

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 393/2023/DS-ST
Ngày 11-10-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Xuân Minh.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Hương là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 11 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Hoàng T, sinh năm 1973

Bà Mạc Thị T1, sinh năm 1974 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Hoàng T: Bà Mạc Thị T1, sinh năm 1974; là Người đại diện theo ủy quyền của ông T “Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 6 năm 2023” (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị N (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm F, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án bà Mạc Thị T1 trình bày: Vào ngày 25/12/2021 âm lịch, bà và ông Huỳnh Hoàng T (chồng bà) có bán thủy hải sản (mực) cho bà Hồ Thị N với tổng số tiền là 17.200.000 đồng, việc mua bán bà có mở sổ theo dõi. Sau khi giao mực, bà N có trả cho bà 7.000.000 đồng, còn lại 10.200.000 đồng đến nay bà N chưa trả. Bà có yêu cầu địa phương hoà giải nhưng bà N không tham dự. Nay bà yêu cầu bà N trả cho vợ chồng bà 10.200.000 đồng.

Đối với bà Hồ Thị N đã trực tiếp ký nhận nhiều văn bản tố tụng của Tòa án, được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Hồ Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[3] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và sổ theo dõi đôi bên mua bán thủy hải sản (mực) thể hiện bị đơn có nợ 17.200.000 đồng, bị đơn đã trả 7.000.000 đồng, hiện bị đơn còn nợ lại 10.200.000 đồng. Tại Ban N1, thị trấn S - Tổ hoà giải Khóm 6A đã giao giấy mời nhiều lần cho bà N, bà N trực tiếp ký nhận giấy mời nhưng không tham gia hoà giải. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà N trong đó có thể hiện rõ số tiền ông T, bà T1 yêu cầu và các tài liệu thu thập được, bà N đã trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến phản đối gì về khoản nợ ông T, bà T1 yêu cầu, điều đó cho thấy bà N đã mặc nhiên thừa nhận khoản nợ đối với ông T, bà T1. Do đó, có căn cứ buộc bà N trả cho ông T, bà T1 số tiền nợ 10.200.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn: $10.200.000 \text{ đồng} \times 5\% = 510.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí ông T, bà T1 được nhận lại.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Hoàng T và bà Mạc Thị T1 đối với bà Hồ Thị N về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ.

Buộc bà Hồ Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Hoàng T và bà Mạc Thị T1 số tiền nợ vay 10.200.000 đồng.

Kể từ khi ông T, bà T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà N chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng bà N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Hồ Thị N phải chịu 510.000 đồng.

Phần tạm ứng án phí ông T, bà T1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006787 ngày 23/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời ông T, bà T1 được nhận lại.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Việt Xô